

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022
Bậc đào tạo: Bác sĩ nội trú khóa 44 (2019-2022)

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
1	1	050111190002	Nguyễn Thanh Vân Anh	08/12/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.07	
2	2	050111190003	Nguyễn Thị Vân Anh	16/01/1993	Chẩn đoán hình ảnh	8.57	
3	3	050111190004	Trần Nguyễn Khánh Chi	06/11/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.24	
4	4	050111190005	Đoàn Thị Giang	13/12/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.15	
5	5	050111190006	Nguyễn Thị Thu Hà	25/06/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.90	
6	6	050111190007	Đỗ Thái Huy	01/01/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.98	
7	7	050111190008	Nguyễn Thị Huyền	12/11/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.07	
8	8	050111190009	Nguyễn Thu Lan	16/05/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.65	
9	9	050111190010	Đoàn Thị Nga	26/02/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.15	
10	10	050111190011	Trần Thị Đỗ Quyên	24/11/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.07	
11	11	050111190012	Phạm Quang Sơn	29/12/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.82	
12	12	050111190013	Nguyễn Thùy Trang	21/07/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.65	
13	13	050111190014	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	21/11/1995	Chẩn đoán hình ảnh	7.73	
14	14	050111190015	Lương Minh Tuấn	08/09/1995	Chẩn đoán hình ảnh	8.32	
15	15	050111180009	Nguyễn Hoa Huệ	28/12/1994	Chẩn đoán hình ảnh	8.15	
16	1	050107190016	Đinh Thị Hoa	23/08/1995	Dạ liễu	8.83	
17	2	050107190017	Nguyễn Thị Huế	11/09/1995	Dạ liễu	8.33	
18	3	050107190018	Vũ Duy Linh	30/10/1995	Dạ liễu	9.08	
19	4	050107190019	Trịnh Ngọc Phát	10/09/1995	Dạ liễu	8.50	
20	5	050107190020	Nguyễn Ngọc Thanh	12/09/1993	Dạ liễu	9.00	
21	6	050107190021	Lê Văn Trung	10/06/1995	Dạ liễu	8.25	
22	7	050107180052	Nguyễn Thị Thu Phương	12/11/1994	Dạ liễu	8.58	
23	1	050101190022	Lê Văn Hiệp	08/02/1995	Dị ứng - MDLS	8.33	
24	2	050101190023	Đỗ Thị Tùng Lâm	27/09/1995	Dị ứng - MDLS	7.67	
25	3	050101190024	Nguyễn Thị Liên	17/09/1995	Dị ứng - MDLS	8.25	
26	4	050101190025	Nguyễn Thị Linh	11/09/1994	Dị ứng - MDLS	8.33	
27	5	050101190026	Vũ Thùy Linh	12/05/1995	Dị ứng - MDLS	8.33	
28	1	050401190027	Doãn Ngọc Ánh	04/12/1995	Dinh dưỡng	9.42	
29	2	050401190029	Nguyễn Thị Thúy	30/12/1995	Dinh dưỡng	9.08	
30	3	050401190030	Trần Việt Tiến	17/01/1995	Dinh dưỡng	9.50	
31	4	050401190031	Ngô Quỳnh Trang	26/02/1995	Dinh dưỡng	9.33	
32	1	050118190032	Đỗ Diệu Linh	23/04/1995	Dược lý và độc chất	7.17	
33	1	050102190034	Dương Nữ Diệp Anh	14/06/1995	Gây mê hồi sức	7.83	
34	2	050102190035	Phạm Đức Anh	03/07/1995	Gây mê hồi sức	8.33	
35	3	050102190036	Nguyễn Thị Hồng Anh	25/09/1995	Gây mê hồi sức	8.50	
36	4	050102190037	Hồ Sỹ Hải	18/12/1995	Gây mê hồi sức	8.67	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
37	5	050102190038	Nguyễn Bá Long	30/07/1995	Gây mê hồi sức	8.50	
38	6	050102190039	Ngô Anh Phương	08/12/1995	Gây mê hồi sức	8.17	
39	7	050102190040	Hoàng Thị Thanh Tâm	10/01/1995	Gây mê hồi sức	8.08	
40	8	050102190041	Vũ Đình Tuyền	06/09/1993	Gây mê hồi sức	8.33	
41	9	050102180065	Phí Xuân An	19/01/1994	Gây mê hồi sức	7.58	
42	10	050102180071	Nguyễn Thị Dung	09/02/1994	Gây mê hồi sức	8.17	
43	1	050101190042	Nguyễn Thị Phương Anh	15/02/1995	Giải phẫu bệnh	9.08	
44	2	050101190043	Nguyễn Thị Vân Anh	02/06/1995	Giải phẫu bệnh	8.58	
45	3	050101190044	Nguyễn Thị Hương	05/12/1995	Giải phẫu bệnh	8.33	
46	4	050101190045	Khuất Thị Lay	28/11/1995	Giải phẫu bệnh	8.67	
47	5	050101190046	Nguyễn Thị Quỳnh	13/02/1995	Giải phẫu bệnh	8.92	
48	6	050101190047	Trịnh Ngọc Sơn	21/01/1995	Giải phẫu bệnh	8.25	
49	7	050101190048	Lý Thị Huyền Trang	02/08/1994	Giải phẫu bệnh	7.92	
50	8	050101190049	Lê Thị Uyên	01/06/1995	Giải phẫu bệnh	9.00	
51	9	050101190050	Lã Thị Hải Yến	25/12/1995	Giải phẫu bệnh	8.50	
52	10	050101190051	Lê Thị Yến	28/12/1995	Giải phẫu bệnh	8.17	
53	1	050101190053	Nguyễn Thị Dinh	11/02/1995	Hóa sinh Y học	8.42	
54	2	050101190054	Ngô Thị Uyên	26/08/1995	Hóa sinh Y học	9.33	
55	3	050101180102	Bùi Đình Tùng	22/09/1994	Hóa sinh Y học	8.00	
56	1	050103190055	Nguyễn Minh Hiếu	12/03/1995	Hồi sức cấp cứu	9.41	
57	2	050103190056	Trần Quốc Minh	01/11/1994	Hồi sức cấp cứu	8.90	
58	3	050103190057	Khuất Hồng Nhung	03/12/1995	Hồi sức cấp cứu	9.49	
59	4	050103190058	Nguyễn Thị Nhung	07/03/1995	Hồi sức cấp cứu	9.49	
60	5	050103190059	Phạm Thị Hồng Phương	14/07/1995	Hồi sức cấp cứu	9.15	
61	6	050103190060	Nguyễn Thị Minh Phương	17/03/1995	Hồi sức cấp cứu	9.41	
62	7	050103190061	Đào Xuân Phương	01/10/1995	Hồi sức cấp cứu	9.49	
63	1	050107190066	Hoàng Thị Hoa	07/01/1995	Huyết học - Truyền máu	8.25	
64	2	050107190067	Phạm Thị Hường	10/09/1995	Huyết học - Truyền máu	8.75	
65	3	050107190068	Đường Thị Thúy Hường	14/02/1995	Huyết học - Truyền máu	8.50	
66	4	050107190070	Nguyễn Văn Nam	06/01/1995	Huyết học - Truyền máu	8.42	
67	5	050107190071	Nguyễn Thị Nga	18/05/1995	Huyết học - Truyền máu	8.00	
68	6	050107190074	Lê Khánh Quỳnh	01/11/1995	Huyết học - Truyền máu	8.58	
69	7	050107190075	Nguyễn Tấn Sang	30/08/1995	Huyết học - Truyền máu	8.50	
70	8	050107190077	Lê Thị Thanh Vui	27/10/1995	Huyết học - Truyền máu	8.17	
71	1	050109190080	Nguyễn Mai Anh	20/07/1995	Lao	7.42	
72	2	050109190081	Vũ Thị Vân Anh	12/11/1994	Lao	7.42	
73	3	050109190082	Nguyễn Thành Công	21/01/1995	Lao	7.83	
74	4	050109190083	Nguyễn Minh Đoàn	10/03/1994	Lao	8.08	
75	5	050109190085	Khuất Thị Lương	04/08/1995	Lao	7.92	
76	6	050109190088	Nguyễn Văn Trọng	07/07/1994	Lao	7.17	
77	7	050109190089	Bùi Đức Anh Tuấn	29/12/1995	Lao	7.08	
78	1	050101190090	Mai Thị Giang	21/11/1995	Mô phôi thai học	8.42	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
79	2	050101190091	Trần Thị Phương Hoa	25/12/1995	Mô phôi thai học	8.58	
80	3	050101190092	Dương Tiến Tùng	27/09/1995	Mô phôi thai học	8.83	
81	1	050104190097	Nguyễn Văn Công	16/02/1995	Ngoại khoa	8.50	
82	2	050104190098	Bùi Xuân Cương	26/09/1995	Ngoại khoa	8.25	
83	3	050104190099	Trịnh Cao Cường	07/02/1995	Ngoại khoa	7.58	
84	4	050104190100	Nguyễn Văn Cường	12/06/1995	Ngoại khoa	8.92	
85	5	050104190101	Nguyễn Anh Doanh	05/06/1995	Ngoại khoa	8.58	
86	6	050104190102	Nguyễn Tiến Dũng	09/12/1995	Ngoại khoa	8.00	
87	7	050104190103	Phạm Xuân Duy	08/12/1995	Ngoại khoa	8.67	
88	8	050104190104	Nguyễn Văn Đan	18/12/1995	Ngoại khoa	8.42	
89	9	050104190105	Lương Công Định	29/07/1994	Ngoại khoa	8.50	
90	10	050104190107	Lương Tuấn Hiệp	11/09/1995	Ngoại khoa	8.33	
91	11	050104190108	Vũ Trung Hiếu	20/02/1995	Ngoại khoa	7.75	
92	12	050104190109	Bùi Minh Hoàng	19/06/1995	Ngoại khoa	8.00	
93	13	050104190110	Bùi Ngọc Hoàng	27/04/1995	Ngoại khoa	8.17	
94	14	050104190111	Hồ Tuấn Hoàng	05/11/1995	Ngoại khoa	8.50	
95	15	050104190112	Lê Xuân Hoàng	02/02/1995	Ngoại khoa	7.08	
96	16	050104190113	Nguyễn Mạnh Hùng	26/02/1995	Ngoại khoa	8.17	
97	17	050104190114	Nguyễn Mạnh Hùng	27/06/1994	Ngoại khoa	7.50	
98	18	050104190115	Bùi Thanh Hùng	08/03/1995	Ngoại khoa	7.75	
99	19	050104190117	Đinh Quang Huy	07/02/1995	Ngoại khoa	8.33	
100	20	050104190119	Phan Đình Khai	07/07/1995	Ngoại khoa	8.25	
101	21	050104190122	Lê Văn Luân	12/01/1995	Ngoại khoa	8.58	
102	22	050104190123	Nghiêm Đình Lượng	16/03/1995	Ngoại khoa	7.83	
103	23	050104190124	Nguyễn Thị Lý	09/01/1995	Ngoại khoa	8.17	
104	24	050104190125	Nguyễn Tiến Mạnh	16/06/1995	Ngoại khoa	8.08	
105	25	050104190126	Khổng Ngọc Minh	19/06/1995	Ngoại khoa	7.75	
106	26	050104190127	Đỗ Văn Minh	14/05/1995	Ngoại khoa	7.83	
107	27	050104190128	Lê Văn Ngân	11/06/1995	Ngoại khoa	7.08	
108	28	050104190129	Bùi Tiến Nguyễn	20/07/1995	Ngoại khoa	7.42	
109	29	050104190130	Phạm Hồng Phong	10/05/1994	Ngoại khoa	7.58	
110	30	050104190131	Nguyễn Anh Quân	02/08/1995	Ngoại khoa	8.33	
111	31	050104190132	Trần Hồng Quân	30/10/1995	Ngoại khoa	8.75	
112	32	050104190133	Phùng Văn Quyền	06/03/1995	Ngoại khoa	8.25	
113	33	050104190134	Phạm Hữu Quyết	15/09/1995	Ngoại khoa	8.42	
114	34	050104190135	Phạm Ngọc Sáng	18/01/1995	Ngoại khoa	6.58	
115	35	050104190136	Nguyễn Văn Sự	25/05/1995	Ngoại khoa	7.75	
116	36	050104190138	Trần Lê Công Thắng	26/09/1995	Ngoại khoa	8.00	
117	37	050104190140	Nguyễn Văn Thắng	12/10/1995	Ngoại khoa	7.92	
118	38	050104190141	Nguyễn Thế Thịnh	13/07/1995	Ngoại khoa	8.58	
119	39	050104190142	Phan Nhật Trung	21/06/1995	Ngoại khoa	7.58	
120	40	050104190143	Đỗ Anh Tuấn	10/08/1995	Ngoại khoa	7.58	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
121	41	050104190144	Nguyễn Văn Tuấn	21/02/1995	Ngoại khoa	8.42	
122	42	050104190145	Lê Xuân Tuấn	10/08/1995	Ngoại khoa	7.67	
123	43	050104190146	Lê Hữu Tùng	13/10/1994	Ngoại khoa	7.08	
124	44	050104190147	Phạm Thiên Tùng	25/02/1995	Ngoại khoa	7.92	
125	45	050104180185	Trần Trung Thành	16/09/1994	Ngoại khoa	8.42	
126	1	050157190148	Lê Thùy Dung	14/11/1995	Nhân khoa	8.58	
127	2	050157190149	Lê Hoàng Hiệp	09/01/1995	Nhân khoa	7.92	
128	3	050157190152	Trần Đăng Quang	10/03/1995	Nhân khoa	8.00	
129	4	050157180199	Lê Thị Vân Anh	31/08/1994	Nhân khoa	8.33	
130	5	050157180201	Mai Thanh Tâm	08/12/1994	Nhân khoa	7.08	
131	6	050157180203	Lương Thị Anh Thư	13/07/1993	Nhân khoa	8.17	
132	1	050106190153	Nguyễn Đức Anh	15/07/1995	Nhi khoa	8.08	
133	2	050106190155	Lương Hữu Bảy	09/08/1995	Nhi khoa	7.58	
134	3	050106180208	Vũ Ngọc Bích	13/09/1994	Nhi khoa	8.25	
135	4	050106190156	Bùi Tiến Công	28/10/1995	Nhi khoa	7.25	
136	5	050106190157	Nguyễn Thị Dung	09/01/1995	Nhi khoa	8.50	
137	6	050106190158	Vũ Thị Duyên	05/03/1995	Nhi khoa	8.25	
138	7	050106190159	Phạm Văn Dương	03/08/1995	Nhi khoa	8.25	
139	8	050106190160	Phan Thị Hồng Hải	25/12/1995	Nhi khoa	8.25	
140	9	050106190161	Nguyễn Hữu Hiếu	01/07/1995	Nhi khoa	8.25	
141	10	050106190162	Đào Thị Việt Hương	02/09/1995	Nhi khoa	8.25	
142	11	050106190163	Lương Đức Tâm	15/02/1995	Nhi khoa	8.08	
143	12	050106190164	Dương Thị Thụy	15/01/1995	Nhi khoa	8.08	
144	13	050106190166	Phạm Đức Tuấn	20/07/1995	Nhi khoa	8.33	
145	14	050106190167	Trần Duy Vũ	02/05/1995	Nhi khoa	8.33	
146	1	050107190217	Nguyễn Hoàng Anh	22/09/1995	Nội - Tim mạch	8.17	
147	2	050107190218	Phạm Hùng Cường	10/12/1995	Nội - Tim mạch	8.17	
148	3	050107190219	Trần Quang Duy	22/06/1995	Nội - Tim mạch	8.00	
149	4	050107190220	Nguyễn Văn Đông	07/09/1995	Nội - Tim mạch	7.75	
150	5	050107190221	Nguyễn Thị Nô En	25/12/1995	Nội - Tim mạch	8.00	
151	6	050107190222	Đặng Văn Hoàng	10/01/1995	Nội - Tim mạch	8.00	
152	7	050107190223	Lê Xuân Hùng	03/06/1995	Nội - Tim mạch	7.75	
153	8	050107190224	Hà Thị Hương	13/03/1995	Nội - Tim mạch	8.08	
154	9	050107190225	Lê Thế Kiên	04/03/1995	Nội - Tim mạch	7.92	
155	10	050107190227	Phạm Ngọc Lâm	15/08/1995	Nội - Tim mạch	7.83	
156	11	050107190228	Dương Công Lĩnh	04/11/1995	Nội - Tim mạch	7.50	
157	12	050107190230	Đặng Văn Phúc	29/01/1995	Nội - Tim mạch	7.33	
158	13	050107190231	Hoàng Kim Quân	30/12/1995	Nội - Tim mạch	8.08	
159	14	050107190232	Bùi Trần Thành Sơn	11/08/1995	Nội - Tim mạch	7.83	
160	15	050107190233	Lê Văn Thắng	10/12/1994	Nội - Tim mạch	8.17	
161	16	050107190234	Lê Ngọc Thiện	28/03/1995	Nội - Tim mạch	8.08	
162	17	050107190235	Cao Thị Thiện	22/08/1993	Nội - Tim mạch	7.58	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
163	18	050107190236	Trần Thị Bảo Yến	12/08/1995	Nội - Tim mạch	7.75	
164	1	050107190168	Phan Thị An	16/06/1995	Nội khoa	8.00	
165	2	050107190169	Đỗ Thị Kim Anh	02/07/1995	Nội khoa	8.83	
166	3	050107190170	Nguyễn Thị Minh Anh	07/06/1995	Nội khoa	8.17	
167	4	050107190171	Vũ Thị Trung Anh	14/10/1995	Nội khoa	8.67	
168	5	050107190172	Nguyễn Thị Minh Châu	08/01/1995	Nội khoa	8.33	
169	6	050107190173	Nguyễn Tiến Dũng	24/07/1995	Nội khoa	8.25	
170	7	050107190174	Lê Thị Dương	20/11/1995	Nội khoa	8.25	
171	8	050107190175	Nguyễn Văn Dương	15/09/1994	Nội khoa	8.33	
172	9	050107190176	Phùng Văn Anh Đức	05/12/1995	Nội khoa	8.33	
173	10	050107190177	Đào Thị Gấm	23/12/1994	Nội khoa	8.58	
174	11	050107190178	Phạm Thanh Hải	27/08/1995	Nội khoa	7.75	
175	12	050107190179	Đoàn Bích Hằng	13/03/1995	Nội khoa	8.42	
176	13	050107190180	Phạm Văn Hân	04/10/1995	Nội khoa	8.25	
177	14	050107190181	Nguyễn Trọng Hiếu	19/12/1995	Nội khoa	8.08	
178	15	050107190182	Nguyễn Trung Hiếu	31/10/1995	Nội khoa	8.08	
179	16	050107190183	Đinh Quang Hoàng	19/10/1995	Nội khoa	7.58	
180	17	050107190184	Phạm Thị Hồng	08/06/1995	Nội khoa	8.42	
181	18	050107190186	Lê Thị Thanh Huệ	15/11/1995	Nội khoa	8.25	
182	19	050107190187	Bàn Thị Huệ	17/05/1995	Nội khoa	8.75	
183	20	050107190188	Nguyễn Quang Huy	20/04/1995	Nội khoa	7.83	
184	21	050107190189	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26/07/1995	Nội khoa	8.42	
185	22	050107190190	Đỗ Thu Huyền	02/09/1995	Nội khoa	8.58	
186	23	050107190191	Phan Quốc Hưng	23/12/1995	Nội khoa	8.17	
187	24	050107190192	Nguyễn Thị Hương	20/08/1995	Nội khoa	7.42	
188	25	050107190193	Hà Thị Kim Khuyên	29/06/1995	Nội khoa	8.83	
189	26	050107190194	Nguyễn Trọng Kiên	24/04/1995	Nội khoa	7.83	
190	27	050107190195	Lưu Cảnh Linh	25/11/1995	Nội khoa	8.33	
191	28	050107190196	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	19/12/1995	Nội khoa	8.00	
192	29	050107190197	Lê Thị Thanh Ngà	14/09/1995	Nội khoa	8.25	
193	30	050107190198	Trần Mai Nguyên	08/09/1995	Nội khoa	8.42	
194	31	050107190199	Đặng Hồng Nhân	12/01/1995	Nội khoa	8.67	
195	32	050107190200	Kiều Hồng Nhung	29/04/1995	Nội khoa	8.00	
196	33	050107190201	Đậu Thị Hồng Nhung	20/03/1995	Nội khoa	8.50	
197	34	050107190202	Nguyễn Thị Nhung	28/09/1995	Nội khoa	8.83	
198	35	050107190203	Nguyễn Thị Như Quỳnh	15/10/1995	Nội khoa	8.42	
199	36	050107190204	Đồng Thị Thủy Quỳnh	07/01/1995	Nội khoa	8.25	
200	37	050107190205	Lưu Tuấn Thành	16/12/1995	Nội khoa	8.33	
201	38	050107190206	Lê Phương Thảo	15/12/1995	Nội khoa	8.42	
202	39	050107190207	Phạm Phương Thảo	10/10/1995	Nội khoa	7.92	
203	40	050107190208	Lê Thị Hồng Thắm	15/10/1995	Nội khoa	8.92	
204	41	050107190209	Nhữ Thị Thu	08/08/1995	Nội khoa	8.33	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
205	42	050107190210	Lê Thị Quỳnh Trang	19/05/1995	Nội khoa	8.75	
206	43	050107190211	Trần Thị Thu Trang	16/11/1995	Nội khoa	8.58	
207	44	050107190212	Hà Thùy Trang	27/03/1995	Nội khoa	8.83	
208	45	050107190213	Mai Xuân Trình	06/01/1995	Nội khoa	8.50	
209	46	050107190214	Lại Văn Trung	14/10/1995	Nội khoa	8.08	
210	47	050107190215	Chu Văn Tuấn	06/06/1995	Nội khoa	8.50	
211	48	050107190216	Nguyễn Thanh Tùng	07/08/1995	Nội khoa	8.33	
212	49	050107180269	Trịnh Thị Hồng Nhung	06/02/1994	Nội khoa	8.25	
213	1	050104190237	Trương Thế Duy	19/09/1995	Phẫu thuật tạo hình	7.75	
214	2	050104190238	Phan Tuấn Nghĩa	09/12/1995	Phẫu thuật tạo hình	6.58	
215	3	050104190239	Phạm Kiến Nhật	25/10/1995	Phẫu thuật tạo hình	6.75	
216	4	050104190240	Phan Văn Tân	05/04/1995	Phẫu thuật tạo hình	7.50	
217	5	050104190241	Nguyễn Hữu Trọng	15/05/1995	Phẫu thuật tạo hình	7.17	
218	6	050104190242	Nguyễn Ngọc Tuấn	29/08/1995	Phẫu thuật tạo hình	7.17	
219	1	050107190243	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/1995	Phục hồi chức năng	9.16	
220	2	050107190244	Lương Thu Hằng	12/10/1995	Phục hồi chức năng	9.08	
221	3	050107190245	Đoàn Ngân Hoa	09/10/1995	Phục hồi chức năng	9.08	
222	4	050107190247	Tổng Khánh Linh	04/05/1995	Phục hồi chức năng	8.91	
223	5	050107190249	Hà Thúy Ngân	19/12/1995	Phục hồi chức năng	8.82	
224	6	050107190250	Nguyễn Thùy Trang	13/11/1995	Phục hồi chức năng	9.16	
225	7	050107190251	Trịnh Bảo Trâm	26/07/1995	Phục hồi chức năng	8.91	
226	8	050107190252	Phạm Thị Hải Vân	02/04/1995	Phục hồi chức năng	8.99	
227	1	050501190253	Phan Văn Anh	07/05/1995	Răng - Hàm - Mặt	7.58	
228	2	050501190254	Đỗ Thị Bình	07/12/1995	Răng - Hàm - Mặt	7.58	
229	3	050501190255	Dương Chí Hiếu	17/10/1995	Răng - Hàm - Mặt	7.42	
230	4	050501190256	Biện Thị Nhân	14/02/1995	Răng - Hàm - Mặt	8.42	
231	5	050501190258	Nguyễn Văn Tâm	11/03/1995	Răng - Hàm - Mặt	7.17	
232	6	050501190259	Đỗ Lê Phương Thảo	23/11/1995	Răng - Hàm - Mặt	7.67	
233	1	050105190260	Dương Quỳnh Anh	13/04/1995	Sản phụ khoa	8.58	
234	2	050105190261	Nguyễn Phương Hào	10/05/1995	Sản phụ khoa	8.17	
235	3	050105190262	Đỗ Văn Hào	06/05/1995	Sản phụ khoa	8.08	
236	4	050105190263	Đào Minh Hưng	19/08/1995	Sản phụ khoa	8.58	
237	5	050105190264	Lương Thị Mai Hương	23/04/1995	Sản phụ khoa	8.33	
238	6	050105190265	Hoàng Tiến Lên	13/05/1995	Sản phụ khoa	8.25	
239	7	050105190266	Dương Hoàng Long	20/06/1995	Sản phụ khoa	8.25	
240	8	050105190267	Võ Thị Quỳnh	07/07/1995	Sản phụ khoa	8.83	
241	9	050105190268	Nguyễn Thị Thủy Tiên	14/10/1995	Sản phụ khoa	9.00	
242	10	050105190269	Đinh Thị Thu Trang	14/10/1995	Sản phụ khoa	8.42	
243	1	050101190271	Trần Thị Thúy Hạnh	20/09/1995	Miễn dịch	8.58	
244	1	050101190274	Đỗ Thanh Tuấn	17/07/1995	Sinh lý học	8.42	
245	1	050155190275	Nguyễn Lê Phương Anh	02/10/1995	Tai - Mũi - Họng	8.67	
246	2	050155190276	Tô Thị Trang Anh	29/09/1995	Tai - Mũi - Họng	8.67	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
247	3	050155190277	Trần Thế Diệu	27/10/1995	Tai - Mũi- Họng	9.17	
248	4	050155190279	Lê Văn Hoàng	28/09/1995	Tai - Mũi- Họng	7.92	
249	5	050155190280	Nguyễn Đức Minh	17/10/1995	Tai - Mũi- Họng	7.00	
250	6	050155190281	Bùi Thị Phương	07/05/1995	Tai - Mũi- Họng	8.50	
251	7	050155190282	Đỗ Văn Tâm	30/07/1995	Tai - Mũi- Họng	8.67	
252	8	050155190283	Phan Hà Trang	15/12/1995	Tai - Mũi- Họng	8.67	
253	9	050155190284	Nguyễn Hoàng Yến	16/05/1995	Tai - Mũi- Họng	8.08	
254	10	050155180366	Đinh Thị Mai Phương	12/11/1994	Tai - Mũi- Họng	8.33	
255	1	050107190286	Dương Khánh Duy	04/10/1995	Tâm thần	8.33	
256	2	050107190287	Đỗ Văn Đức	05/03/1995	Tâm thần	8.42	
257	3	050107190288	Nguyễn Văn Giáp	15/11/1994	Tâm thần	8.08	
258	4	050107190290	Nguyễn Thu Hà	02/10/1995	Tâm thần	8.33	
259	5	050107190291	Phạm Thị Thu Hà	27/06/1994	Tâm thần	8.25	
260	6	050107190292	Nguyễn Việt Hà	13/04/1994	Tâm thần	8.67	
261	7	050107190293	Nguyễn Văn Hải	02/03/1995	Tâm thần	7.25	
262	8	050107190294	Vũ Thị Mỹ Hạnh	04/07/1995	Tâm thần	8.00	
263	9	050107190296	Nguyễn Đình Hoàng	12/12/1995	Tâm thần	8.25	
264	10	050107190300	Nguyễn Thị Phương	11/06/1994	Tâm thần	8.17	
265	11	050107190301	Nguyễn Hương Quỳnh	28/02/1995	Tâm thần	7.58	
266	12	050107190302	Dương Anh Tài	08/03/1995	Tâm thần	7.67	
267	13	050107190303	Nguyễn Thị Anh Thoa	07/01/1995	Tâm thần	8.92	
268	14	050107190304	Bùi Thanh Tùng	29/08/1995	Tâm thần	8.67	
269	1	050107190305	Chữ Văn Dũng	05/02/1994	Thần kinh	8.33	
270	2	050107190306	Hồ Văn Hùng	10/10/1995	Thần kinh	8.08	
271	3	050107190307	Nguyễn Hải Linh	07/04/1995	Thần kinh	7.83	
272	4	050107190308	Trương Huệ Linh	22/02/1995	Thần kinh	9.17	
273	5	050107190309	Phạm Thị Ngọc Linh	27/10/1995	Thần kinh	8.92	
274	6	050107190310	Nguyễn Văn Sỹ	11/04/1992	Thần kinh	8.08	
275	7	050107190311	Vi Ngọc Tuấn	27/12/1995	Thần kinh	8.33	
276	8	050107180396	Đào Thị Thảo	22/12/1994	Thần kinh	8.00	
277	1	050109190313	Lê Thị Vân Anh	24/05/1995	Truyền nhiễm	8.17	
278	2	050109190314	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/02/1995	Truyền nhiễm	8.17	
279	3	050109190315	Trương Tư Thế Bảo	05/01/1996	Truyền nhiễm	7.67	
280	4	050109190317	Lương Hương Giang	30/04/1995	Truyền nhiễm	8.67	
281	5	050109190320	Lê Thị Huyền	23/07/1995	Truyền nhiễm	7.92	
282	6	050109190321	Nguyễn Thị Khánh Linh	28/05/1995	Truyền nhiễm	8.08	
283	7	050109190322	Lê Viết Nghĩa	12/10/1995	Truyền nhiễm	8.00	
284	8	050109190323	Nguyễn Thị Ngọc	05/09/1995	Truyền nhiễm	8.00	
285	9	050109190324	Nguyễn Vũ Hồng Vân	21/08/1995	Truyền nhiễm	7.17	
286	10	050109190325	Trần Quốc Vương	02/03/1995	Truyền nhiễm	8.17	
287	11	050109190326	Đoàn Thị Hải Yến	22/06/1994	Truyền nhiễm	8.58	
288	12	050109180414	Phùng Anh Tuấn	02/07/1994	Truyền nhiễm	8.25	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
289	1	050108190327	Nguyễn Thị Phương Anh	20/12/1995	Ung thư	7.58	
290	2	050108190328	Nguyễn Quang Anh	21/02/1995	Ung thư	7.25	
291	3	050108190329	Lê Thị Vân Anh	08/08/1995	Ung thư	7.67	
292	4	050108190330	Phạm Thế Dương	25/05/1995	Ung thư	7.67	
293	5	050108190331	Phạm Quang Đạo	26/10/1995	Ung thư	8.33	
294	6	050108190332	Phạm Văn Hoàn	17/08/1995	Ung thư	7.92	
295	7	050108190333	Phan Hữu Kiệm	25/03/1995	Ung thư	7.42	
296	8	050108190334	Bùi Thành Lập	20/02/1995	Ung thư	7.58	
297	9	050108190335	Hoàng Minh Lý	05/07/1995	Ung thư	7.83	
298	10	050108190336	Nguyễn Thị Mai	22/01/1995	Ung thư	7.75	
299	11	050108190337	Phạm Duy Mạnh	31/10/1995	Ung thư	8.42	
300	12	050108190338	Nguyễn Huy Phan	09/08/1995	Ung thư	7.83	
301	13	050108190339	Phan Văn Quân	02/06/1994	Ung thư	7.92	
302	14	050108190340	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/04/1995	Ung thư	8.00	
303	15	050108190341	Nịnh Thị Thảo	26/11/1995	Ung thư	7.50	
304	16	050108190342	Nguyễn Thanh Thông	12/07/1995	Ung thư	8.17	
305	17	050108190343	Vũ Huyền Trang	03/09/1995	Ung thư	7.83	
306	18	050108190344	Nguyễn Văn Trọng	07/02/1995	Ung thư	8.50	
307	19	050108190345	Nguyễn Anh Tuấn	23/12/1995	Ung thư	7.67	
308	20	050108190346	Mai Văn Tuấn	11/05/1995	Ung thư	7.92	
309	21	050108180429	Nguyễn Thị Lý Linh	15/02/1994	Ung thư	6.67	
310	22	050108180428	Dương Thị Lệ	11/06/1994	Ung thư	7.92	
311	1	050101190347	Bùi Thị Thu Dung	05/11/1995	Vi sinh y học	7.83	
312	2	050101190348	Nguyễn Thị Thu Hà	15/07/1995	Vi sinh y học	7.92	
313	3	050101190349	Hoàng Anh Phương	31/08/1995	Vi sinh y học	8.25	
314	4	050101190350	Ngô Văn Quỳnh	19/10/1995	Vi sinh y học	8.17	
315	1	050115190352	Nguyễn Thị Hường	26/06/1995	Y học cổ truyền	8.42	
316	2	050115190353	Dương Thế Ngọc	30/11/1995	Y học cổ truyền	8.33	
317	3	050115190354	Trần Thị Thu Thủy	15/03/1995	Y học cổ truyền	8.75	
318	4	050115190355	Nguyễn Thị Trang	02/07/1995	Y học cổ truyền	8.42	
319	5	050115190356	Phạm Thu Trang	17/06/1995	Y học cổ truyền	9.08	
320	6	050115190357	Nguyễn Hữu Tuấn	14/05/1995	Y học cổ truyền	7.25	
321	7	050115190358	Nguyễn Thị Vui	10/09/1995	Y học cổ truyền	8.92	
322	1	050163190360	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1995	Y học dự phòng	7.33	
323	2	050163190361	Đào Vũ Hoàng	18/07/1995	Y học dự phòng	6.42	
324	3	050163190362	Bùi Thị Ngọc Minh	16/02/1995	Y học dự phòng	5.83	
325	4	050163190363	Dương Văn Quân	14/10/1994	Y học dự phòng	7.67	
326	5	050163190364	Bùi Văn Tùng	02/08/1993	Y học dự phòng	6.17	
327	1	059001190365	Nguyễn Thị Minh Hiền	21/06/1995	Y học gia đình	7.75	
328	2	059001190366	Phạm Thị Huệ	26/05/1995	Y học gia đình	7.67	
329	3	059001190367	Tổng Thị Khánh	16/08/1995	Y học gia đình	7.67	
330	4	059001190368	Lưu Đình Lập	23/12/1995	Y học gia đình	8.08	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
331	5	059001190369	Trần Thị Liên	19/06/1995	Y học gia đình	8.17	
332	6	059001190370	Cao Mạnh Long	20/08/1995	Y học gia đình	7.92	
333	7	059001190371	Bùi Thanh Sáng	19/05/1995	Y học gia đình	8.50	
334	1	050101190373	Nguyễn Thị Thúy	24/01/1995	Y pháp	9.42	
335	1	050101190374	Thân Thị Thu Cảnh	16/07/1995	Y sinh học di truyền	8.25	
336	2	050101190375	Trần Hiền	08/09/1995	Y sinh học di truyền	8.50	
337	3	050101190376	Nguyễn Bá Thị Hoa	26/04/1995	Y sinh học di truyền	8.75	
338	4	050101190378	Nguyễn Thị Hương	26/06/1994	Y sinh học di truyền	8.50	
339	5	050101190379	Lê Thảo Ly	02/08/1995	Y sinh học di truyền	8.17	
340	6	050101190380	Hà Phương Nhung	03/10/1995	Y sinh học di truyền	7.83	
341	7	050101190381	Lê Thị Quyên	24/04/1994	Y sinh học di truyền	8.17	

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP SĐH


Nguyễn Hữu Tú